TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số:20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Sông Hương và ông Hồ Trọng Trung;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ Ngày 17/4/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mạnh Thị H - Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngân Văn C - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nông Thị T, sinh năm 1986 - Trưởng thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Mạnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Ngân Văn C vào ngày 03/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về cách nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, bất đồng về làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào cuối năm 2023, vợ chồng tiếp tục cãi chửi nhau nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình, khuyên giải nhưng không thành. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn cho chị ly hôn với anh Ngân Văn C.

Về con chung: Chị và anh Ngân Văn C không ai có con riêng, vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Ngân Hải D, sinh ngày 03/4/2018. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho anh Ngân Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngân Hải D, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Ngân Hải D hàng tháng số tiền từ 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)* đến 1.000.000đ *(Một triệu đồng)/* tháng, cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh Ngân Văn C không có tài sản chung, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Mạnh Thị H xác định trong thời gian chung sống không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngân Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí lời trình bày của chị Mạnh Thị H về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn. Vì vậy anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mạnh Thị H.

Về con chung: Anh và Chị H có 01 con chung là cháu Ngân Hải D, sinh ngày 03/4/2018. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh được trực tiếp nuôi cháu Ngân Hải D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu D định kỳ hàng tháng số tiền là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng, cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng xác nhận: Vợ chồng chị H, anh C có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai. Từ đầu năm 2020 vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, đầu năm 2021 anh chị đã sống ly thân là đúng.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai xác nhận: Chị Mạnh Thị H và anh Ngân Văn C có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2017, anh C hiện là công dân có hộ khẩu thường trú tại địa phương, là lao động tự do nên UBND xã không có căn cứ để xác nhận thu nhập, hiện tại mức thu nhập bình quân đầu người tại địa phương là 43,95 triệu đồng/ người/năm. Việc nuôi 01 người con khoảng 06 tuổi thì hàng tháng trung bình hết khoảng từ 2.000.000đ đến 3.000.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mạnh Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Mạnh Thị H và bị đơn anh Ngân Văn C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147: Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Mạnh Thị H được ly hôn với anh Ngân Văn C.

- Về con và cấp dưỡng: Giao cháu Ngân Hải D cho anh Ngân Văn C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H phải cấp dưỡng hàng tháng mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Mạnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

- Đề nghị tuyên quyền kháng cáo và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chúng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mạnh Thị H khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn đối với bị đơn anh Ngân Văn C - Sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Mạnh Thị H, bị đơn anh Ngân Văn C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng, xác minh tại chính quyền địa phương có đủ cơ sở xác định:

Chị Mạnh Thị H và anh Ngân Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về cách nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, bất đồng về làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào cuối năm 2023, vợ chồng tiếp tục cãi chửi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình, khuyên giải nhưng không thành. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn cho chị ly hôn với anh Ngân Văn C.

Bị đơn anh Ngân Văn C nhất trí với lời trình bày của chị H về thời gian đăng ký kết hôn, anh xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

Như vậy đến nay, chị H và anh C đều đồng ý ly hôn, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mạnh Thị H đối với anh Ngân Văn C.

[4] Về nuôi con chung:

Chị Mạnh Thị H và anh Ngân Văn C đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngân Hải D, sinh ngày 03/4/2018. Hiện nay cháu đang ở cùng anh Ngân Văn C. Nguyên đơn chị H và bị đơn anh C đều thống nhất đề nghị

Tòa án giải quyết giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân Hải D, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C là lao động tự do tại địa phương, UBND xã C xác nhận thu nhập bình quân hàng năm là 43,95 triệu đồng/người/năm, anh có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu D. Bản thân chị H cũng đồng ý để cho anh C được nuôi cháu D. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo về mọi mặt cũng như sự ổn định cuộc sống của cháu D, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, cần giao cho anh C được quyền trực tiếp nuôi cháu Ngân Hải D, sinh ngày 03/4/2018, đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh C yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu Ngân Hải D số tiền là 1.500.000đ. Nhưng chị H chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu D số tiền định kỳ hàng tháng từ 800.000đ - 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị H là lao động tự do có mức thu nhập hàng tháng từ 5.000.000đ - 6.000.000đ/tháng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã C xác định để nuôi 01 người con ở độ tuổi của cháu D (khoảng 06 tuổi) mất chi phí từ 2.000.000đ - 3.000.000đ/tháng. Bản thân anh C xác nhận rằng hàng tháng một mình anh nuôi dưỡng cháu D hết tổng chi phí khoảng 3.000.000đ/tháng.

Theo quy định của pháp luật thì việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho con chưa thành niên. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là để đảm bảo cuộc sống của con chưa thành niên. Do đó, Để đảm bảo quyền lợi của cháu D, phù hợp với chi phí thực tế nuôi dưỡng cháu D theo điều kiện tại địa phương tại xã C, huyện V, phù hợp mức thu nhập của người trực tiếp nuôi dưỡng là anh C và người cấp dưỡng là chị H. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu D số tiền định kỳ hàng tháng là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Mạnh Thị H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân

sự; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mạnh Thị H:

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạnh Thị H được ly hôn với anh Ngân Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa chị Mạnh Thị H và anh Ngân Văn C chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2, Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Ngân Hải D, sinh ngày 03/4/2018 cho anh Ngân Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi cháu Ngân Hải D trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Mạnh Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Ngân Hải D, theo định kỳ mỗi tháng số tiền là 1.500.000^{đ} *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/ tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Mạnh Thị H phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình và 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 600.000^{đ} (*Sáu trăm nghìn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001464 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Mạnh Thị H còn phải nộp số tiền là 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Ngân Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án

niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa